

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **57/2019/HS-ST**
Ngày 14-11-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Đức Thuận
2. Bà Lê Thị Dệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 56/2019/TLST-HS ngày 08 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2019/QĐXXST-HS ngày 31/10/2019 đối với các bị cáo:

1. Vũ Quang T, sinh ngày 29/5/1995; Sinh và trú tại: Thôn V, xã S, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Vũ Quang T1, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1972; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 19/7/2019, đến ngày 28/7/2019 thay thế biện pháp ngăn chặn áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

2. Phạm Minh Q, sinh ngày 27/4/1993; Sinh và trú tại: Thôn T2, xã S, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Văn T3, sinh năm 1969 và bà Trần Thị L1, sinh năm 1970; Có vợ Lê Thị L3, sinh năm 1993 và 01 con sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 19/7/2019, đến ngày 28/7/2019 thay thế biện pháp ngăn chặn áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

3. Lê Văn T4, sinh ngày 02/5/2001; Sinh và trú tại: Thôn P, xã L4, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Văn D, sinh năm 1970 và bà Vũ Thị Đ, sinh năm 1968; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 19/7/2019, đến ngày 28/7/2019 thay thế biện pháp ngăn chặn áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

* *Bị hại*: Chị Lê Thị B, sinh năm 1969

Địa chỉ: Thôn P1, xã S, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Người được bị hại ủy quyền: Anh Ngô Trí H, sinh năm 1974 (văn bản ủy quyền ngày 20 tháng 7 năm 2019)

* *Người làm chứng*:

- Anh Lê Như D1, sinh năm 1955

Địa chỉ: Thôn Lý Đ, xã B1, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

- Chị Lê Thị H1, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn Trầu, xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

- Chị Trần Thị L5, sinh năm 1970

Địa chỉ: Thôn T2, xã T3, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đêm ngày 10/7/2019 Phạm Minh Q và Lê Văn T4 đang đi chơi ở khu vực đường Nghi Sơn - Sao Vàng thì gặp Vũ Quang T. T rủ Q và T4 đi trộm cắp tài sản lấy tiền tiêu xài. Q và T4 đồng ý. Q điều khiển xe mô tô nhãn hiệu SUPERMALAYS, màu xanh, biển kiểm soát 36L6-3976 chở T4 và T đi. T biết nhà chị Lê Thị B ở thôn P, xã T thường xuyên vắng nhà nên T dẫn Q và T4 đến nhà chị B. Đến nơi thấy không có người ở nhà, cửa nhà không khóa nên T, Q, T4 lén lút vào nhà chị B lấy trộm 1 bình gas màu đỏ, 1 tủ lạnh màu trắng và 1 máy giặt màu trắng. Q và T đưa số đồ trên lên xe mô tô của Q để T4 chở về nhà mình ở xã T cất giấu. Sau đó T ngủ lại nhà T4, còn Q lấy xe đi về. Đến sáng ngày 11/7/2019 T4 mang bình gas bán cho anh Lê Như D1 ở thôn L3, xã B1 lấy 220.000đ. Được một lúc thấy Q đi xe đến, T4 và T mượn xe của Q mang tủ lạnh đến xã L5 bán cho chị Lê Thị H1 ở thôn Trầu, xã L5 lấy 370.000đ. Số tiền này T, T4 và Q đã tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 19/7/2019, nhận thấy hành vi phạm tội của mình không thể che giấu được nên T, Q và T4 đến đầu thú tại Công an huyện Nông Cống và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Đồng thời T4 giao nộp 1 máy giặt Hitachi, nhãn hiệu Super Clean wash màu trắng.

Người được bị hại ủy quyền anh Ngô Trí H báo cáo: Khoảng tháng 02/2019 anh đến nhà chị B quét dọn thì phát hiện bị mất 01 tủ lạnh nhãn hiệu Sanyo, màu trắng đã qua sử dụng, chị B mua tháng 8/2017 với giá 6.000.000đ; 01 máy giặt Hitachi màu trắng đã qua sử dụng, mua đầu năm 2015 với giá 8.000.000đ và 01 bình gas nhãn hiệu Vietphap mua năm 2012 giá 320.000đ.

Ngày 21/7/2019 anh Lê Như D1 giao nộp cho Công an huyện Nông Cống một bình gas nhãn hiệu Vietphap, bên trong có chứa 12kg khí gas mua của Lê Văn T4.

Ngày 21/7/2019 chị Lê Thị H1 giao nộp một tủ lạnh nhãn hiệu Sanyo, màu trắng mua của T4 và T.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 38/ĐGTS ngày 22/7/2019 kết luận:

01 tủ lạnh nhãn hiệu Sanyo, màu trắng, kiểu máy SR-11JN, số máy 2SS12793, đã qua sử dụng, tại thời điểm trộm cắp có giá 2.000.000đ; 01 máy giặt nhãn hiệu Hitachi, màu trắng, Model SF-60G, đã qua sử dụng, tại thời điểm trộm cắp có giá trị 2.000.000đ; 01 vỏ bình gas, màu đỏ, nhãn hiệu Vietphap, đã qua sử dụng tại thời điểm trộm cắp có giá 120.000đ; 12kg khí gas tại thời điểm trộm cắp có giá trị 180.000đ. Tổng giá trị tài sản là 4.800.000đ.

Đối với Lê Văn D1 là người mua bình ga của T4 vào sáng ngày 11/7/2019 với giá 220.000đ. Anh D1 không biết đây là tài sản do T4 trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra (viết tắt là CQĐT) Công an huyện Nông Cống không có căn cứ xử lý đối với anh D1. Hiện nay gia đình T4 đã hoàn trả lại cho anh D1 số tiền 220.000đ. Anh D1 đã nhận lại tiền và không có yêu cầu gì.

Chiếc tủ lạnh màu trắng, nhãn hiệu Sanyo, Lê Văn T4 và Vũ Quang T đã bán lại cho chị Lê Thị H1 vào sáng ngày 11/7/2019 với giá 370.000đ. Khi mua chị H1 không biết đây là tài sản trộm cắp mà có nên CQĐT Công an huyện Nông Cống không có căn cứ xử lý đối với chị H1. Hiện gia đình T4 và T đã hoàn trả cho chị H1 số tiền 370.000đ. Chị H1 đã nhận lại số tiền và không có yêu cầu gì.

Chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Supermalays, màu xanh, biển kiểm soát 36L6-3976 mà T, Q, T1 dùng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản nhà chị Lê Thị B, chiếc xe thuộc sở hữu của chị Trần Thị L1 (mẹ đẻ Q), mua của em gái là Trần Thị M từ năm 2018. Chị L1 không biết Q dùng xe của mình làm phương tiện đi trộm cắp tài sản. CQĐT Công an huyện Nông Cống xác minh không liên quan đến tội phạm nên đã trả lại cho chị L1.

Vật chứng vụ án gồm: 01 tủ lạnh, nhãn hiệu Sanyo; 01 máy giặt nhãn hiệu Hitachi; 01 vỏ bình gas Vietphap, bên trong có chứa 12kg khí gas. Toàn bộ vật chứng trên CQĐT Công an huyện Nông Cống đã trả lại cho bị hại.

Tại bản cáo trạng số 59/CT-VKSNC ngày 19/3/2019 Viện kiểm sát nhân dân (viết tắt là VKSND) huyện Nông Cống truy tố các bị cáo Vũ Quang T, Phạm Minh Q và Lê Văn T4 về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự (viết tắt là BLHS).

* Tại phiên tòa:

- Các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, hứa sửa chữa, không tái phạm, xin Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) giảm nhẹ hình phạt. Riêng bị cáo T4 còn khai nhận thêm bản thân bị cáo nghiện ma túy hơn 01 năm nay

và trong thời gian được tại ngoại trong vụ án này đã cùng với 1 người khác thực hiện hành vi trộm cắp tài sản hiện đang bị Công an huyện Nông Cống điều tra.

- Ý kiến của người đại diện của bị hại: Phân trách nhiệm dân sự không yêu cầu gì thêm; phần hình phạt đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Kiểm sát viên luận tội giữ nguyên quyết định truy tố và căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 BLHS đối với cả 3 bị cáo và đề xuất mức hình phạt đối với các bị cáo: T từ 12 tháng đến 15 tháng tù cho hưởng án treo; Q từ 9 tháng đến 12 tháng tù; T4 từ 9 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách gấp đôi. Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã bồi thường xong, bị hại không yêu cầu nên không đề nghị xem xét. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm (viết tắt là HSST).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của CQĐT Công an huyện Nông Cống, Điều tra viên, VKSND huyện Nông Cống, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (viết tắt là BLTTHS). Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về lời khai các bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai các bị cáo quá trình điều tra, phù hợp với lời khai người được ủy quyền của bị hại là anh Ngô Trí H và những người làm chứng Lê Như D1, Lê Thị H1 và Trần Thị L1 cùng vật chứng vụ án đã được Hội đồng định giá tài sản huyện Nông Cống định giá 4.800.000đ. Như vậy, đã chứng minh vào tối ngày 10/7/2019 tại gia đình chị Lê Thị B ở thôn thôn P1, xã S, huyện N, tỉnh Thanh Hóa các bị cáo Vũ Quang T, Phạm Minh Q và Lê Văn T4 đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản của gia đình chị B. Với giá trị tài sản nêu trên đủ cơ sở kết luận các bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 BLHS. Như vậy, VKSND huyện Nông Cống truy tố các bị cáo theo khoản 1 Điều 173 BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất vụ án, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội như sau: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, làm mất trật tự trị an địa bàn. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự để cải tạo, giáo dục các bị cáo thành người công dân tốt, có ích cho bản thân, gia đình và xã hội, đồng thời góp phần răn đe giáo dục phòng ngừa chung.

[4] Đánh giá vai trò đồng phạm thì thấy: Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, có thông mưu trước. T là người khởi xướng đồng thời cũng là người thực hành nên xếp vai trò thứ nhất. T4 và Q đều là người thực hành xếp vai trò thứ 2.

[5] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân:

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; người phạm tội thành khẩn khai báo, bồi thường khắc phục hậu quả quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; sau khi phạm tội các bị cáo đã nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên đã đến Công an đầu thú quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Về nhân thân: Các bị cáo không tiền án, tiền sự. Riêng đối với bị cáo T4 sau khi phạm tội được tại ngoại đã có hành vi trộm cắp tài sản hiện Công an huyện Nông Cống đang tiến hành điều tra xử lý, đồng thời bị cáo là người nghiện ma túy trên địa bàn.

[6] Trên cơ sở đánh giá tính chất vụ án, các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân các bị cáo xét thấy cần áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo T4 khỏi đời sống xã hội một thời gian với điều kiện cải tạo nghiêm khắc theo quy chế trại giam để giáo dục bị cáo thành người tốt có ích cho bản thân, gia đình và xã hội đồng thời góp phần răn đe giáo dục chung và ổn định địa bàn là phù hợp với Điều 38 BLHS. Đối với bị cáo T và bị cáo Q chưa cần thiết cách ly khỏi xã hội mà cho các bị cáo được hưởng án treo cải tạo dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương cũng đủ để giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành người công dân tốt và răn đe, giáo dục phòng ngừa chung.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận các bị cáo đã thực hiện xong nghĩa vụ dân sự.

[8] Đối với tài sản trộm cắp các bị cáo đã bán cho anh D1, chị H1; sau khi phát hiện các bị cáo đã hoàn trả lại cho những người mua tài sản. Những người mua tài sản đã nhận đủ số tiền từ các bị cáo, không có yêu gì nên HĐXX không xét.

[9] Về án phí: Các bị cáo có tội, bị kết án nên phải chịu án phí HSST.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 58 BLHS;

Tuyên bố bị cáo Vũ Quang T, Phạm Minh Q và Lê Văn T4 phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 58; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS:

- Xử phạt: Lê Văn T4: 06 tháng tù được trừ 09 ngày tạm giữ. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 173 điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 BLHS:

- Xử phạt: Vũ Quang T 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (14/11/2019).

- Xử phạt: Phạm Minh Q 08 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (14/11/2019).

Giao các bị cáo Vũ Quang T, Phạm Minh Q cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện N, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người đó. Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Xác nhận các bị cáo đã bồi thường xong phần dân sự cho bị hại.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ tiền án phí HSST.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt các bị cáo, vắng mặt bị hại. Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo; bị hại;
- VKS huyện Nông Cống;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện Nông Cống;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- TAND Tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Văn Tình